

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

● LÊ THU HƯƠNG

## TÓM TẮT:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) trong những năm gần đây luôn duy trì vị trí top đầu trong hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam, trong đó phải kể đến kết quả của hoạt động quản trị rủi ro tín dụng (RRTD) đã đem lại sự bền vững cho VPBank. Do đó, công tác quản trị RRTD luôn được các nhà quản trị VPBank đặt lên hàng đầu. Bài viết này tập trung nghiên cứu một số giải pháp để hoàn thiện hoạt động quản trị RRTD tại VPBank.

**Từ khóa:** Quản trị rủi ro tín dụng, hoàn thiện, VPBank.

## 1. Đặt vấn đề

Sau 20 năm thành lập và hoạt động, VPBank đã không ngừng phát triển và củng cố vị trí của mình trên thị trường tài chính tiền tệ Việt Nam. Tính đến cuối năm 2017, VPBank là 1 trong 3 ngân hàng (NH) hàng đầu trong khối các NHTM ngoài quốc doanh với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 nằm trong top các NHTM đạt lợi nhuận cao, tốc độ tăng trưởng tín dụng luôn duy trì ở mức trên 17%. Với con số tăng trưởng tín dụng như vậy thì hệ lụy tất yếu kéo theo là tốc độ tăng trưởng các khoản nợ xấu, tỷ lệ nợ xấu (NPL) của VPBank năm 2018 đã vượt mức trần 3%, chiếm 3,2%/tổng dư nợ. Chính vì vậy, VPBank cần phải có sự quản trị về tín dụng hiệu quả nhất để đảm bảo vừa phát triển kinh doanh vừa đảm bảo yếu tố an toàn cho hoạt động NH. Do đó, việc nghiên cứu và đưa ra các giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị RRTD tại NH là hoàn toàn cần thiết.

## 2. Thực trạng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng của VPBank

### 2.1. Một số kết quả đạt được

VPBank đã xây dựng được mô hình quản trị RRTD theo đúng chuẩn quy định quốc tế với 3 lớp phòng thủ và tất cả các thành viên trong hệ thống của VPBank đều phải tham gia quá trình quản trị rủi ro. Cụ thể:

(1) Tuyến phòng thủ thứ nhất là các khối kinh doanh, bán hàng, các chuyên viên khách hàng (KH)... Nhiệm vụ chính là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động cho vay và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá rủi ro và kiểm soát tính hiệu quả của từng đơn vị.

(2) Tuyến phòng thủ thứ hai là khối quản trị rủi ro, khối tuân thủ, quản trị rủi ro hoạt động và pháp chế. Tuyến này có nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là độc lập đánh giá và kiểm soát tính hiệu quả của

hệ thống ở tuyến phòng thủ thứ nhất; quản lý rủi ro chính thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro/chính sách cho vay, xây dựng quy trình/hướng dẫn tín dụng và cho vay, theo dõi, cảnh báo sớm, quản trị danh mục...; giám sát các chương trình kiểm soát nội bộ, tuân thủ...

(3) Tuyến phòng thủ thứ ba là bộ phận kiểm toán nội bộ. Đây là bộ phận trực thuộc Ban kiểm soát và không thuộc Ban điều hành của NH, nên việc đánh giá 2 tuyến phòng thủ trước và các rủi ro có thể xảy ra được thực hiện độc lập và khách quan.

NH đã xây dựng được hệ thống khuôn khổ cơ chế, chính sách quản trị RRTD đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: (1) Thiết lập môi trường quản trị RRTD phù hợp; (2) Hoạt động theo quy trình cấp tín dụng lành mạnh; (3) Duy trì quy trình quản trị, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; (4) Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với RRTD.

Hệ thống quản lý RRTD của VPBank được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa, với nhiệm vụ xây dựng chính sách, xác định giới hạn và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại đầu mối là Khối Quản trị rủi ro. Những báo cáo của Khối Quản trị rủi ro chính là cơ sở để Ban điều hành và Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định về hoạt động tín dụng. NH đã thực hiện sử dụng thẻ điểm cho từng phân khúc KH khác nhau và từng sản phẩm; áp dụng hệ thống cảnh báo sớm RRTD đối với phân khúc KH SME và KH cá nhân, xây dựng các kịch bản stress testing nhằm ứng phó với những rủi ro không lường được trước phát sinh, từ đó giúp NH chuẩn bị được những biện pháp xử lý rủi ro phù hợp, kịp thời, giảm tối đa thiệt hại do rủi ro phát sinh, đảm bảo khả năng thu hồi, xử lý nợ quá hạn...

VPBank cũng đã xây dựng được nhiều mô hình mới bằng các kỹ thuật tiên tiến theo chuẩn quốc tế, khai thác dữ liệu lớn góp phần chọn lọc KH, tăng cường bán chéo, cải thiện chất lượng danh mục và nâng cao hiệu quả thu hồi nợ sớm. Trong kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của mình, VPBank xác định phân khúc thị trường tài chính tiêu dùng, các sản phẩm cho vay tín chấp, tín dụng tiêu dùng. Qua một thời gian phát triển phân khúc thị trường này, VPBank đã đạt được những kết quả nhất định trong hoạt động quản trị RRTD. Cụ thể:

VPBank đã xây dựng hệ thống chấm điểm KH trong hoạt động cấp tín dụng, bước đầu đem lại hiệu quả trong việc thu hút KH mới cho khối KH cá nhân. NH cũng triển khai mô hình phê duyệt tự động có sự hỗ trợ của các mô hình chấm điểm cho sản phẩm vay tín chấp, từ đó tăng chất lượng cấp tín dụng và xây dựng hệ thống Quản lý thông tin KH doanh nghiệp (CLOS), từ đó thu được kết quả rất khả quan. Theo thống kê, năm 2017, riêng đối với NH mẹ, doanh thu dịch vụ NH bán lẻ của VPBank tăng hơn 66% so với năm 2016. Số lượng KH tăng lên của VPBank tăng lên đáng kể với hơn 2,7 triệu KH, kéo theo số dư cho vay tăng trưởng vượt trội 83%. Về thẻ tín dụng, VPBank đã vượt lên vị trí số 3 về lượng thẻ phát hành (198.000 thẻ) và vị trí số 2 về chi tiêu trong năm 2017 (vượt qua mức hơn 2.000 tỷ đồng chi tiêu mỗi tháng). Vay tín chấp cá nhân (UPL), sản phẩm thế mạnh của VPBank, vẫn tiếp tục tăng trưởng với số dư tăng 54% và doanh thu tăng 114%. Đối với công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit) đang có hơn 7 triệu và hơn 10.000 đối tác ở khắp 63 tỉnh, thành trên cả nước, giữ vị thế là công ty tài chính lớn nhất trên thị trường tài chính tiêu dùng.

## 2.2. Một số hạn chế

Tuy nhiên, tổ chức bộ máy quản trị RRTD của VPBank hiện nay vẫn còn tồn tại một số hạn chế, làm giảm hiệu quả của hoạt động quản trị rủi ro, cụ thể:

Tại vòng kiểm soát RRTD đầu tiên, cán bộ tín dụng của VPBank chưa thực sự đánh giá được tính chính xác trong toàn bộ những thông tin của KH cung cấp, từ đó đưa ra những kết luận và đề xuất chưa thực sự phù hợp với năng lực của KH. Điều này đã dẫn đến những rủi ro phát sinh trong các khoản cấp tín dụng của NH. Ngoài ra có những trường hợp, cán bộ NH không đánh giá và cập nhật thông tin của KH kịp thời, để xảy ra những rủi ro, như: Nguồn trả nợ của KH không đủ do hoạt động kinh doanh kém đi, ngành kinh doanh của KH có xu hướng chậm phát triển dẫn đến mục đích vay kinh doanh của KH không được đảm bảo, gây ra RRTD cho NH. Kết quả đánh giá KH của các nhân viên VPBank theo thang điểm Linkert 5 cho thấy:

**Bảng 1. Kết quả về đánh giá KH của cán bộ, nhân viên VPBank**

Đơn vị: %

TT	Nội dung Thang điểm	Tỷ lệ				
		1	2	3	4	5
1	Tôi có thể đánh giá chính xác khả năng thực hiện nghĩa vụ tín dụng của KH.	3,3	8,2	39,3	45,9	3,3
2	Tôi tin tưởng vào uy tín KH của tôi	1,6	6,6	32,8	50,8	8,2
3	Tôi tin tưởng các KH của tôi có khả năng kinh doanh/sử dụng khoản vay có hiệu quả.		3,3	41	45,9	9,8
4	KH của tôi chắc chắn sẽ tìm mọi cách trả nợ cho NH.	1,6	6,6	36,1	47,5	8,2
5	KH sử dụng khoản vay đúng mục đích đăng ký		8,2	34,4	44,3	13,1
6	100% KH của tôi hoàn toàn có khả năng trả nợ NH đúng hạn.	1,6	24,6	23	47,5	3,3

*Nguồn: Theo kết quả khảo sát của tác giả*

Như vậy, việc đánh giá khả năng sử dụng vốn, thực hiện nghĩa vụ tín dụng, uy tín của KH. đối với nhân viên NH còn gặp nhiều hạn chế, dù các cán bộ/nhân viên VPBank đã có sự đánh giá tương đối chắc chắn về KH nhưng vẫn còn khoảng 30% cán bộ/nhân viên NH chưa thực sự nắm vững nghiệp vụ này, dẫn đến hoạt động quản trị RRTD của VPBank gặp phải hạn chế trong quá trình thực hiện, góp phần đưa VPBank thường xuyên nằm trong top các NH có tỷ lệ nợ quá hạn cao trong hệ thống các NHTM Việt Nam.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các bộ phận trong hoạt động quản trị RRTD tại một số thời điểm còn chưa thực sự hiệu quả, giao động trong khoảng 15 - 18% số cán bộ nhân viên khảo sát chưa hài lòng với sự phối hợp trong các bộ phận tín dụng, điều này cũng tương đối phù hợp với đánh giá của KH khi thực hiện khảo sát về sự hài lòng của họ đối với các khâu trong hoạt động cấp tín dụng tại VPBank. Mặc dù VPBank đã có quy định về sự phối hợp và trách nhiệm của mỗi bộ phận này với nhau, tuy nhiên mục tiêu hoạt động chính của những bộ phận này là khác nhau, do đó nhiều thời điểm sẽ phát sinh những hạn chế trong phối hợp với nhau để quản trị rủi ro những khoản cấp tín dụng. Đây cũng là hạn chế chung đối với hệ thống các NHTM.

Ngoài ra, việc thu thập đầy đủ số liệu về các doanh nghiệp SME, đối tượng chiến lược của

VPBank còn nhiều hạn chế dẫn đến việc tính toán mức áp dụng tỷ lệ rủi ro tín dụng là tương đối khó khăn.

### 2.3. Nguyên nhân những hạn chế

#### 2.3.1. Nguyên nhân khách quan

*Thứ nhất*, các văn bản quy định và hướng dẫn quản trị rủi ro tín dụng của NH Nhà nước còn có sự hạn chế, thiếu những văn bản quy định liên quan đến hoạt động xây dựng và vận hành hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, hoạt động cảnh báo sớm RRTD. Việc thiếu đồng bộ khi các NHTM tự xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ dẫn đến sự sai lệch giữa các NHTM trong việc đánh giá RRTD phát sinh đối với KH.

*Thứ hai*, việc sử dụng các thông tin của các tổ chức xếp hạng tín dụng độc lập là tương đối khó khăn khi tại Việt Nam hầu hết các doanh nghiệp hoặc tổ chức tài chính không được xếp hạng, do doanh nghiệp chưa được các tổ chức độc lập xếp hạng tín dụng và chi phí để thuê các tổ chức này thực hiện xếp hạng cũng khá cao nên đa phần các doanh nghiệp Việt Nam đều chưa có thông tin xếp hạng tín dụng tại các tổ chức độc lập. Chính vì thiếu nguồn thông tin này nên chất lượng xếp hạng tín dụng nội bộ của NHTM Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng. Điều này dẫn tới khó khăn cho các NH Việt Nam trong việc đánh giá và định giá KH. Thực tế ở Việt Nam, cơ quan thanh tra, giám sát NH chưa có đủ nguồn nhân lực có đủ trình độ và

kinh nghiệm để đánh giá, thẩm định hệ thống đánh giá rủi ro của các NH.

*Thứ ba*, hệ thống thông tin, dữ liệu KH chưa đầy đủ, đồng bộ, minh bạch và tin cậy. Theo quan sát của Entrofine (2014): Chênh lệch về cơ sở dữ liệu trung bình của các NH ở Việt Nam so với yêu cầu của Ủy ban Basel là 65%, để đuổi kịp yêu cầu của Ủy ban Basel, các NHTM Việt Nam cần thời gian 2 - 3 năm để làm dày cơ sở dữ liệu, thu thập những trường dữ liệu còn thiếu thông qua việc sửa đổi quy định nội bộ và kết nối với CIC; từ đó xây dựng kho dữ liệu phục vụ quản trị rủi ro theo Basel 2 [3]. Đây là một khó khăn lớn đối với các NHTM Việt Nam trong việc quản trị RRTD theo chuẩn quốc tế.

*Thứ tư*, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của nền kinh tế thị trường cũng là một trong những nguyên nhân khách quan làm phát sinh RRTD, dẫn đến hiệu quả quản trị rủi ro không được như kỳ vọng.

### 2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

*Một là*, nhân sự trong các bộ phận liên quan đến hoạt động tín dụng còn có sự hạn chế về trình độ, nhận thức về hoạt động quản trị RRTD do đội ngũ quản trị RRTD tại VPBank đa phần từ các cán bộ tín dụng chuyển sang nên năng lực cán bộ chưa đồng đều, trình độ nghiệp vụ của nhiều cán bộ còn yếu kém đã làm giảm hiệu quả quản trị RRTD của VPBank. Bên cạnh đó hạn chế trong trình độ nhận thức của VPBank cũng được thể hiện trong cả hoạt động đánh giá, phê duyệt các khoản cấp tín dụng. Ngoài ra, đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động tín dụng cũng bị một số cán bộ nhân viên coi nhẹ, vì lợi ích riêng mà gây ra tình trạng thông đồng với KH làm hồ sơ giả mạo nhằm lợi dụng, lừa đảo chiếm đoạt nguồn vốn của NH.

*Hai là*, mô hình quản trị RRTD của VPBank chưa có sự sắp xếp thực sự hợp lý ở một số bộ phận. Hiện nay, đối với hoạt động kiểm tra, giám sát sau cho vay của NH đang được thực hiện bởi 3 bộ phận đó là: giám sát tín dụng, kiểm soát sau vay và kiểm tra kiểm soát nội bộ. Mặc dù những bộ phận này có sự phân công nhiệm vụ về bản chất nhiệm vụ của 3 bộ phận này đều khá giống nhau, chính vì vậy, đôi khi có sự phối hợp chưa được thực sự tốt, còn có tâm lý ỷ lại. Mặt khác, hoạt động quản trị RRTD không chỉ hiểu theo nghĩa là không để rủi ro xảy ra mà phải hiểu

rộng hơn đó là việc đảm bảo cho các NHTM luôn duy trì lợi nhuận ổn định. Như vậy, chúng ta phải có sự song hành của hoạt động phát triển tín dụng nhưng cũng vẫn phải đảm bảo an toàn. Do đó, tồn tại nhiều mâu thuẫn, các bộ phận cũng chưa phối hợp tốt với nhau. VPBank đã có văn bản quy định về sự phối hợp giữa các đơn vị khi phát sinh những khoản cấp tín dụng có vấn đề, nhưng thực tế phát sinh khi đơn vị kinh doanh vừa phải lo chạy doanh số, dù chỉ tiêu theo kế hoạch, vừa phải thực hiện cung cấp hồ sơ, phối hợp với các phòng ban khác để thực hiện nhắc nợ, thu hồi nợ, xử lý TSBĐ thì tại một số thời điểm sẽ không thể thực hiện tốt.

*Ba là*, cơ sở dữ liệu, thông tin của KH chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu về quản trị RRTD. Những dữ liệu về KH cần phải được bổ sung cập nhật thêm để kịp thời nắm bắt được tình hình của KH, tuy nhiên việc này hiện nay chưa được nhân viên của VPBank thực hiện tốt đã góp phần làm tỷ lệ phát sinh nợ quá hạn của VPBank luôn nằm trong top đầu các NH. Bên cạnh đó, dữ liệu KH để có thể đánh giá và phân tích căn cứ thông tin đủ lớn cần về lịch sử hoạt động, lịch sử tín dụng. Trong khi đó, nhóm KH VPBank hướng đến là các KH cá nhân, hộ kinh doanh hoặc các doanh nghiệp SME nên khi thu thập thông tin khá khó khăn bởi nguồn dữ liệu của những KH này thường không được lưu giữ một cách có hệ thống, khoa học. Điều này dẫn đến rủi ro phát sinh trong quá trình quan hệ tín dụng của KH với NH. Ngoài ra, trong bối cảnh hiện nay, sản phẩm cho vay tín chấp, tiêu dùng gia tăng mạnh, VPBank cũng đã và đang đẩy mạnh hoạt động cho vay này, đây là phân khúc thu được lợi nhuận cao nhưng tiềm ẩn nguy cơ rủi ro rất lớn.

### 3. Một số giải pháp hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro tín dụng

*Một là*, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của NH. Thực hiện mở các lớp đào tạo với giáo viên hướng dẫn là các chuyên gia trong lĩnh vực tín dụng NH, xây dựng từng chuyên đề đào tạo với giáo viên là những người có kiến thức chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm thực tế rút ra từ những phát sinh thực tế trong công tác tín dụng đã trải qua.

Với mỗi chính sách, sản phẩm tín dụng đưa ra, Ban lãnh đạo VPBank cần duy trì sự tư vấn, tham

mưu của các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực tín dụng, có nhiều kinh nghiệm thực tế xử lý các khoản tín dụng để có những tham mưu phù hợp chỉ ra những bất cập, những lỗ hổng và sự chưa phù hợp, từ đó giúp VPBank đưa ra những chính sách, sản phẩm vừa phù hợp với mục tiêu phát triển KH, mang lại lợi nhuận cho NH, giảm thiểu được tối đa những rủi ro do hoạt động tín dụng mang lại.

Tăng cường khả năng phối hợp giữa các bộ phận trong hoạt động tín dụng, từ khi cấp tín dụng đến xử lý các khoản vay phát sinh quá hạn. Cần phải quán triệt các cán bộ, nhân viên ngân hàng hoạt động theo nguyên tắc vì lợi ích chung nhất của VPBank, tránh tình trạng mỗi bộ phận chỉ vì mục tiêu của riêng bộ phận mình mà có sự xung đột, gây khó khăn trong khi giải quyết công việc chung khi phát sinh

*Hai là, đảm bảo sự phối hợp giữa quản trị RRTD và quản trị rủi ro hoạt động.* Cải thiện quản trị rủi ro hoạt động có thể bằng cách hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn hoạt động quản trị rủi ro hoạt động, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin trực tuyến phục vụ cho quản lý rủi ro hoạt động. Tại đó, mọi cán bộ/nhân viên có thể truy cập để tìm hiểu thông tin về rủi ro hoạt động, báo cáo kịp thời sai phạm khi phát hiện. Đồng thời, các cấp lãnh đạo kịp thời phát hiện sai phạm để tiến hành khắc phục sớm, giảm tác hại của rủi ro phát sinh.

*Ba là, xây dựng hệ thống thông tin RRTD phù hợp.* (1) Đối với thông tin vĩ mô, cập nhật thường xuyên những thay đổi về môi trường, chính sách kinh tế, xu hướng phát triển của ngành, hệ thống quy định pháp luật của Nhà nước để có những chính sách tín dụng phù hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế, đồng thời phát triển tín dụng tuân thủ theo quy định khuôn khổ của luật pháp; (2) Đối với thông tin liên quan trực tiếp đến hoạt động tín dụng tại VPBank, cần phải đảm bảo sự thông suốt giữa các thông tin về báo cáo xu thế tín dụng, tình hình cấp tín dụng đối với KH, nhóm KH, báo cáo phân tích KH trước và sau khi cấp tín dụng, báo cáo cảnh báo sớm các rủi ro, đo lường và kiểm soát rủi ro đối với một và với một nhóm KH. Nếu những thông tin này không đầy đủ và đủ độ dày theo lịch sử thì không thể có đánh giá chính xác về các khoản cấp tín dụng,

đồng thời cũng sẽ không thể có những hoạt động cảnh báo sớm RRTD. Ngoài việc kết hợp lấy dữ liệu từ hai nhà mạng lớn là Viettel và Mobifone, VPBank cần tập hợp thông tin từ những nguồn tin cậy khác, như: các thông tin tại cơ quan BHXH, cơ quan thuế... để làm giàu dữ liệu KH của mình. Ngoài ra, VPBank có thể thực hiện hoàn thiện dữ liệu theo từng phân khúc KH, trong các phân đoạn KH hiện nay của VPBank, phân đoạn KH nào VPBank có thế mạnh và nguồn dữ liệu tương đối đầy đủ về độ lớn và độ dày dữ liệu theo lịch sử để thực hiện xếp hạng KH; đối với phân đoạn chưa hoàn thiện, NH tiếp tục sử dụng xếp hạng của các tổ chức độc lập bên ngoài.

*Bốn là, nâng cao hiệu quả quản trị RRTD.* Tăng cường việc đánh giá rủi ro theo ngành, nhóm KH, việc đánh giá này cần được thực thi tại các khâu liên quan đến hoạt động tín dụng của VPBank. Chẳng hạn, đối với bộ phận kinh doanh, cần phải luôn luôn cập nhật tình hình, xu hướng hoạt động kinh doanh của KH, từ đó có những cảnh báo, tham mưu góp ý với các bộ phận chính sách, quản trị RRTD để có những quyết sách phù hợp với từng ngành trong từng thời điểm khác nhau. Đối với bộ phận thẩm định, phê duyệt tín dụng cũng cần có bộ phận thường xuyên có những báo cáo đánh giá chuyên biệt với từng ngành kinh doanh để những người trực tiếp phê duyệt tín dụng có thêm nguồn thông tin ra quyết định.

Căn cứ trên tình hình KH quan hệ tín dụng của VPBank, NH thực hiện rà soát, phân loại tín dụng theo tiêu thức như theo ngành, địa phương, quy mô, thời hạn cấp tín dụng. Tuy nhiên, dù phân chia theo tiêu thức nào đi chăng nữa, VPBank cũng cần có sự đảm bảo tính khoa học và sự phản ánh toàn diện đặc trưng rủi ro tín dụng phát sinh đối với từng nhóm KH. Chẳng hạn khi phân theo khu vực địa lý, số dư cấp tín dụng tập trung vào vùng miền nào thì rủi ro tín dụng phát sinh đối với vùng miền đó sẽ có khả năng xuất hiện cao hơn các vùng khác, điều này đặt ra cho các nhà quản trị NH cần có đại hệ số rủi ro đối với những khoản cấp tín dụng ở những địa phương này lớn hơn những địa phương khác.

Tăng cường năng lực tài chính cho VPBank: Hiện nay để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh nói chung và đảm bảo cho các tỷ lệ an toàn vốn trong hoạt động tín dụng nói riêng, NH cần tiếp

tục có kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu trong thời gian tới. Việc tiếp tục tăng vốn chủ sở hữu của các NHTM trong nước là vô cùng cần thiết nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro, đặc biệt là giúp NHTM có điều kiện thu hút

thêm vốn, phát triển nhân lực, đầu tư công nghệ hiện đại, mở rộng mạng lưới, tăng cường cơ sở vật chất, tiếp thu kinh nghiệm quản trị điều hành quản trị rủi ro theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Báo cáo thường niên của VPBank từ năm 2012 - 2018.
2. Das, Abhiman & Ghosh, Saibal (2007), "Determinants of Credit Risk in Indian State-owned Banks: An Empirical Investigation", MPRA Paper No. 17301.
3. Nguyễn Quốc Anh và Nguyễn Hữu Thạch (2015), "Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng - Bằng chứng thực nghiệm tại các NHTM Việt Nam", Tạp chí Khoa học - Trường Đại học An Giang, số 1(1), tr. 27 - 39.
4. Vilma Deluvaite (2012), "The importance of systemic risk management in the banking sector", Economic and management, 17(3).
5. Võ Thị Quý và Bùi Ngọc Toàn (2014), "Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của hệ thống NHTM Việt Nam", Tạp chí Khoa học - Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, số 36/2014, tr. 16 - 26.

Ngày nhận bài: 7/4/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/4/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 27/4/2019

Thông tin tác giả:

**NCS. LÊ THU HƯƠNG**

Khoa Quản trị Doanh nghiệp, Học viện Khoa học xã hội

## **SOME SOLUTIONS TO IMPROVE THE CREDIT RISK MANAGEMENT AT VPBANK**

- Post-graduate student **LE THU HUONG**  
Faculty of Corporate Management  
Graduate Academy of Social Sciences

### **ABSTRACT:**

Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank) in recent years has been always ranked at the top position in the system of Vietnam's commercial banks. This result could be attributed to the bank's risk management activities. VPBank's risk management activities have helped the bank grow sustainability. Therefore, the credit risk management is always placed on top of VPBank's managers. This article focuses on researching some solutions to improve the credit risk management at VPBank.

**Keywords:** Credit risk management, improvement, VPBank.